

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B Đ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:

Bà: Lâm Thị Chức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Hoàng Thị Quýt

Bà: Điều Thị Hương

-Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Lâm Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 219/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1981 (*có mặt*)

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1975 (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp T Th, xã T T, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn đề ngày 12 tháng 10 năm 2020, biên bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Thanh B tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T T, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 28/11/2002. Từ khi về chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc, anh B không lo làm ăn, thường xuyên bỏ nhà đi. Hiện tại chị H, anh B đã sống ly thân với nhau từ lâu. Xét thấy, tình cảm của chị với anh B đã không còn, cuộc sống hôn nhân

không hạnh phúc nên chi H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với anh B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống thì giữa chi H, anh B có với nhau 01 (một) người con chung tên Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 17/9/2002. Hiện tại cháu Thảo đã đủ 18 tuổi, tự lao động được nên chi H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Về tài sản chung và nợ chung chi H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh B trong quá trình giải quyết vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng. Vì vậy, anh B không thể hiện được ý kiến của mình.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Vì anh B vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh B.

Về tài sản chung, nợ chung: Chi H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Thanh B vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do và không có đơn đề nghị vắng mặt, mặc dù Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 54, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh B.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị H thuộc trường hợp “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh B có địa chỉ tại Ấp T Th, xã T T, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

[2]. Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đồng thời không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung vụ án:

- *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Thanh B kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T T, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước vào ngày 28/11/2002. Xét đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm cương quyết yêu cầu được ly hôn anh B với lý do tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được nữa do mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, mặc dù chị H đã cho anh B nhiều cơ hội sửa đổi tính tình nhưng anh B vẫn không thay đổi. Thời gian vợ chồng sống ly thân hai người còn không quan tâm chăm sóc hỏi thăm lẫn nhau nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Thanh B đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy anh B không có ý kiến trình bày.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú của chị H và anh B ngày 04/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện B Đ được biết: Giữa chị H và anh B thường xuyên mâu thuẫn với nhau do anh B không lo làm ăn, hay bỏ nhà đi không chăm lo cuộc sống chung của vợ chồng.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Lê Thị H và anh Nguyễn Thanh B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh B là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

- *Về con chung*: Trong quá trình chung sống, chị H, anh B có với nhau 01 (một) con chung tên Nguyễn Thanh Th, sinh ngày 17/9/2002. Hiện tại cháu Th đã trưởng thành, tự lao động được nên HĐXX không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

-Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu theo quy định.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn chị Lê Thị H đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh B.

- *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thanh B.

- *Về con chung:* Không đặt ra xem xét

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra xem xét.

[2]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017489 ngày 20/10/2020.

[3]. *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B Đ;
- Chi cục THA DS huyện B Đ;
- Đường sự;
- UBND xã T T;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Thị Chức